

(DỰ THẢO)*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021*

BÁO CÁO
TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2020

Ngày 24 tháng 7 năm 2015 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1168/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 (Chương trình 1168). Thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì Chương trình, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) tổng hợp, báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình đến hết năm 2020 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

I. Mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

1. Bối cảnh ban hành Chương trình

Chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được quy định tại Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông. Việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng đối với vùng có điều kiện kinh doanh dịch vụ viễn thông khó khăn, theo cơ chế thị trường doanh thu của doanh nghiệp viễn thông không bù đắp được chi phí; đồng thời, chính sách này tạo điều kiện cho nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; hộ nghèo, hộ cận nghèo có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ viễn thông phổ cập.

Từ năm 2006 đến nay, chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua: Chương trình đầu tiên là Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 74). Tiếp theo, từ năm 2015 đến nay Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách này thông qua Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính

phủ và được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 14/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ (gọi chung là Chương trình).

Chương trình 1168 được ban hành trong điều kiện các doanh nghiệp đã có bước phát triển nhanh chóng kể cả về đầu tư hạ tầng, đổi mới công nghệ, mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh lĩnh vực này ngày càng sâu rộng, kinh doanh viễn thông không còn là lĩnh vực độc quyền doanh nghiệp. Vì vậy, việc tiếp tục tự đầu tư, phát triển cung cấp dịch vụ phổ cập đến vùng sâu, vùng xa, hải đảo là gánh nặng, khó khăn đối với doanh nghiệp. Thực tế, đất nước vẫn còn nhiều khu vực dân cư sinh sống chưa có dịch vụ viễn thông, người dân nơi đây chưa được phổ cập dịch vụ viễn thông, người nghèo gặp khó khăn trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ. Trên thực tế vẫn tồn tại khoảng cách giữa khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, hải đảo trong việc sử dụng dịch vụ viễn thông thiết yếu.

Trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bên cạnh các mục tiêu về kinh tế, mục tiêu giảm nghèo và an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Trong chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, Nhà nước đã quy định trong chuẩn nghèo đa chiều có chiều về thông tin, xem thông tin là dịch vụ xã hội thiết yếu; với quan điểm để người dân thoát nghèo, cần quan tâm đến giảm nghèo về thông tin. Để thoát nghèo về thông tin, người dân phải có phương tiện tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ thông tin.

Trong bối cảnh nêu trên việc Nhà nước tiếp tục điều tiết về tài chính, thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là cần thiết để góp phần đảm bảo công bằng xã hội trong lĩnh vực viễn thông; đồng thời, góp phần thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững của quốc gia. Việc phê duyệt Chương trình 1168 đã được đặt trong bối cảnh như vậy khi đưa ra mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Mục tiêu của Chương trình

a) Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo;

b) Phổ cập dịch vụ viễn thông công ích, bảo đảm quyền truy nhập bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân, hộ gia đình, đồng thời theo từng thời kỳ ưu tiên hỗ trợ việc sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và đầu thu truyền hình số của hộ nghèo, hộ cận nghèo và một số đối tượng chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước;

c) Bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ tìm kiếm, cứu nạn, chỉ đạo, điều

hành phòng, chống thiên tai; cung cấp cho mọi người dân khả năng truy nhập miễn giá cước đến các dịch vụ viễn thông bắt buộc;

d) Bảo đảm các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc khả năng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng;

đ) Bảo đảm thực hiện các mục tiêu của Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

3. Nội dung nhiệm vụ của Chương trình

Chương trình được thiết kế gồm 5 chương trình thành phần, với 22 nhiệm vụ cụ thể được phân loại theo mục tiêu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và đối tượng thụ hưởng ý, bao gồm:

- Chương trình thành phần 1: Kết nối băng rộng (6 nhiệm vụ);
- Chương trình thành phần 2: Kết nối khẩn cấp (2 nhiệm vụ);
- Chương trình thành phần 3: Kết nối cộng đồng (5 nhiệm vụ);
- Chương trình thành phần 4: Kết nối công sở (4 nhiệm vụ);
- Chương trình thành phần 5: Kết nối truyền hình số (5 nhiệm vụ).

Để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, với thiết kế ban đầu, Chương trình 1168 có tổng mức kinh phí là: 11.000 tỷ đồng; sau đó năm 2018, Bộ TTTT đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm, còn 7.300 tỷ đồng, sử dụng từ nguồn kinh phí của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam do các doanh nghiệp viễn thông đóng góp. Mục đích sử dụng kinh phí của Chương trình bao gồm:

- Hỗ trợ thiết lập hạ tầng: 3.413,7 tỷ đồng, bằng 46,76% tổng kinh phí.
- Hỗ trợ kết nối khẩn cấp: 104,9 tỷ đồng, bằng 1,44% tổng kinh phí.
- Hỗ trợ kết nối cộng đồng: 534,75 tỷ đồng, bằng 7,33% tổng kinh phí
- Hỗ trợ Kết nối công sở: 746,56 tỷ đồng, bằng 10,23% tổng kinh phí
- Hỗ trợ kết nối truyền hình số: 1.817 tỷ đồng, bằng 24,89% tổng kinh phí

PHẦN THỨ HAI TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Công tác triển khai thực hiện Chương trình

1. Về công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Chương trình

Sau khi Chương trình 1168 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, năm 2016, với trách nhiệm được giao là cơ quan chủ trì Chương trình 1168, Bộ TTTT đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các Thông tư, văn bản hướng dẫn làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện Chương trình (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*). Cụ thể:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật:

Chương trình đã được các bộ ban hành 07 Thông tư hướng dẫn, trong đó Bộ TTTT đã ban hành 04 Thông tư, Bộ Tài chính ban hành 03 Thông tư.

b) Các văn bản chỉ đạo điều hành:

Trong quá trình thực hiện Chương trình, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ TTTT đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, trong đó có một số văn bản liên quan trực tiếp đến việc điều hành và quản lý tài chính của Chương trình.

2. Về công tác tổ chức bộ máy giúp Bộ trưởng Bộ TTTT triển khai, quản lý thực hiện Chương trình

Bộ TTTT đã giao Vụ Quản lý Doanh nghiệp là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng về quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Đồng thời, theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã thành lập Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để giúp Bộ trưởng quản lý, điều phối việc thực hiện Chương trình này. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và sử dụng các nguồn tài chính hỗ trợ thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Về công tác phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, Bộ TTTT đã đề nghị các bộ, ngành, địa phương, các Sở TTTT, các doanh nghiệp viễn thông phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ quản lý liên quan đến hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình; các cơ quan thuộc Bộ TTTT cũng đã nhận được sự phối hợp tích cực của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, các doanh nghiệp viễn thông, các địa phương, các Sở TTTT trong quá trình thực hiện Chương trình.

II. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 có 5 Chương trình thành phần với 22 nhiệm vụ cụ thể. Sau 5 năm thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình (*Chi tiết tình hình thực hiện các nhiệm vụ đến năm 2020 tại Phụ lục số 02*), cho thấy:

1. Thực hiện Chương trình thành phần 1: Kết nối băng rộng

Chương trình thành phần này có 6 nhiệm vụ, kinh phí dự kiến hỗ trợ chiếm gần 44, 33% tổng kinh phí của Chương trình; các nhiệm vụ cụ thể như sau:

(1) *Nhiệm vụ 1:* Hỗ trợ đầu tư thiết lập hệ thống truyền dẫn băng rộng đến các xã chưa có kết nối truyền dẫn băng rộng.

(2) *Nhiệm vụ 2:* Hỗ trợ đầu tư thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại các xã chưa có mạng truy nhập băng rộng cố định.

(3) *Nhiệm vụ 3:* Hỗ trợ đầu tư thiết lập mạng truy nhập băng rộng di động đến các xã chưa có mạng truy nhập băng rộng di động.

(4) *Nhiệm vụ số 4:* Hỗ trợ thiết lập truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

(5) *Nhiệm vụ 5:* Hỗ trợ triển khai các giải pháp tăng cường bảo đảm liên lạc an toàn, tin cậy trong việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng và chủ đạo điều hành của chính quyền các cấp.

(6) *Nhiệm vụ 6:* Hỗ trợ thiết lập đường truyền dẫn vi ba số, truyền dẫn vệ tinh đến các huyện đảo.

1.1. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ

Trong Chương trình thành phần này có 6 nhiệm vụ, có 2 nhiệm vụ đã thực hiện; các nhiệm vụ còn lại đã triển khai nhưng chưa thực hiện.

a) Các nhiệm vụ đã triển khai, thực hiện (Nhiệm vụ 4, Nhiệm vụ 6)

- *Nhiệm vụ số 4:* Hỗ trợ thiết lập truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Nhiệm vụ này của Chương trình đã được triển khai, thực hiện tốt, Chương trình đã hỗ trợ thiết lập truyền dẫn cáp quang đến 04/05 huyện đảo: Cát Hải, Cô Tô, Lý Sơn, Phú Quốc trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn điện lực Việt Nam (Riêng Huyện đảo Vân đồn, do các doanh nghiệp viễn thông thiết lập đường dẫn nên Chương trình không thực hiện nữa). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này, theo dự kiến, Chương trình sẽ hỗ trợ thiết lập 01 đường truyền dẫn cáp quang của 01 doanh nghiệp đến trung tâm hành chính của 05 huyện đảo, nhưng thực tế có 03 doanh nghiệp thực hiện nên Chương trình đã hỗ trợ 03 doanh nghiệp thiết lập truyền dẫn cáp quang đến trung tâm hành chính của các huyện đảo. Kinh phí thực hiện là 7,952 tỷ đồng, bằng 159% so với dự kiến.

- *Nhiệm vụ 6:* Hỗ trợ thiết lập đường truyền dẫn vi ba số, truyền dẫn vệ

tinh đến các huyện đảo.

Nhiệm vụ này hỗ trợ thiết lập truyền dẫn Viba số và đường truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng đến các huyện đảo, đã triển khai dịch vụ băng rộng cho 50 đảo, huyện đảo, nhà giàn. Kinh phí thực hiện: 13,53 tỷ đồng, bằng 13,53% so với dự kiến.

Nguyên nhân của kết quả hỗ trợ đạt thấp đối với nhiệm vụ này, chủ yếu là do thời gian thực hiện ngắn vì công tác ban hành hướng dẫn thực hiện Quyết định 868/QĐ-TTg chậm (Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT, có hiệu lực từ tháng 4/2020).

b) Các nhiệm vụ chưa phát sinh hỗ trợ từ Chương trình (Nhiệm vụ 1, Nhiệm vụ 2, Nhiệm vụ 3; Nhiệm vụ 5):

- Đối với nhiệm vụ 1, nhiệm vụ 2, nhiệm vụ 3:

Năm 2016, Bộ TTTT đã triển khai nhiệm vụ, đề nghị các địa phương, doanh nghiệp đăng ký nhu cầu hỗ trợ thiết lập hạ tầng; xây dựng danh mục dự án và đã rà soát nhu cầu của địa phương về danh mục các dự án. Bộ TTTT đã phê duyệt Danh mục và sơ bộ về tổng mức vốn đầu tư của các dự án, đã có Quyết định phê duyệt giao chủ đầu tư 13 dự án cho 02 doanh nghiệp (VNPT, Viettel), với dự kiến kinh phí của Chương trình hỗ trợ thực hiện là 3.208,7 tỷ đồng. Đến hết năm 2020, cả 13 dự án chưa triển khai được. Đây là tồn tại, hạn chế lớn nhất của việc triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn vừa qua.

Nguyên nhân: đây là chính sách mới trong hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, còn hạn chế về xây dựng chính sách của Bộ TTTT chưa phù hợp với tình hình phát triển thực tế, khi ban đầu quy định Chương trình chỉ hỗ trợ phát triển hạ tầng đến các xã còn trắng dịch vụ. Mặc dù tháng 7/2018, Quyết định 868/QĐ-TTg đã bỏ quy định chỉ các xã còn trắng dịch vụ mới được hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng, cho phép Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hạ tầng đến các xã đã có hạ tầng, nhưng chưa đạt mức chuẩn do Bộ TTTT quy định, đồng thời đã bổ sung quy định hỗ trợ chi phí vận hành cho doanh nghiệp thực hiện thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng. Nhưng công tác xây dựng văn bản chưa đầy đủ, chưa đảm bảo tính khả thi nên khi triển khai còn lúng túng, không kịp thời và gặp nhiều vướng mắc. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan với các doanh nghiệp viễn thông chưa được tốt nên các dự án không thực hiện được.

- Đối với Nhiệm vụ 5: Hỗ trợ triển khai các giải pháp tăng cường bảo đảm liên lạc an toàn, tin cậy trong việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng và chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

Nhiệm vụ này không triển khai được do chưa có hướng dẫn thực hiện.

2. Thực hiện Chương trình thành phần 2: Kết nối khẩn cấp

Chương trình thành phần này có 02 nhiệm vụ, cụ thể:

- *Nhiệm vụ 1:* Hỗ trợ dịch vụ viễn thông khẩn cấp và dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển

Chương trình đã hỗ trợ người sử dụng các dịch vụ viễn thông liên lạc đến các số điện thoại khẩn cấp với sản lượng dịch vụ là trên 7,8 triệu phút liên lạc. Kinh phí thực hiện là 32,654 tỷ đồng, bằng 84% so với dự kiến.

Việc hỗ trợ này tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân liên lạc đến các đơn vị chức năng tìm kiếm, cứu nạn trên biển, liên lạc đến các tàu bạn khi tàu cá hoặc ngư dân gặp sự cố trên biển, góp phần động viên ngư dân bám ngư trường biển và giữ vững an ninh, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- *Nhiệm vụ 2:* Hỗ trợ dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, phòng chống thiên tai.

Nhiệm vụ này đã thực hiện đúng mục tiêu đề ra, góp phần không nhỏ trong việc giảm thiểu thiệt hại thiên tai, đảm bảo thông tin liên lạc cho công tác tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai được kịp thời, đạt hiệu quả. Kinh phí thực hiện là 61,08 tỷ đồng, đạt 92,53% so với dự kiến.

3. Thực hiện Chương trình thành phần 3: Kết nối cộng đồng

Chương trình thành phần này có 5 nhiệm vụ, kết quả thực hiện như sau:

(1) *Nhiệm vụ 1:* Hỗ trợ dịch vụ tra cứu số thuê bao điện thoại cố định.

Kết quả thực hiện: Chương trình 1168 đã hỗ trợ 1,085 triệu phút, đạt 5,4% so với dự kiến. Kinh phí thực hiện: 0,73 tỷ đồng, bằng 11,1% so với dự kiến.

Đặc thù của nhiệm vụ này là kết quả hỗ trợ phụ thuộc vào quy mô thuê bao điện thoại cố định và nhu cầu của người sử dụng dịch vụ. Thời gian qua, xu hướng thuê bao điện thoại cố định giảm nên sản lượng dịch vụ phát sinh thấp. Qua thực hiện nhiệm vụ này cho thấy cần xem xét về sự cần thiết của chính sách này trong thời gian tới.

(2) *Nhiệm vụ 2:* Hỗ trợ thiết lập 500 điểm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng

Theo nhiệm vụ của Chương trình, sẽ hỗ trợ thiết lập mới 500 điểm Internet công cộng. Nhiệm vụ này do Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện, đã triển khai và hoàn thành lắp đặt được 327 điểm vào năm 2020 (đạt 65,4% quy mô dự kiến). Kinh phí thực hiện: 20,84 tỷ đồng, bằng 75% so với dự kiến. Hiện nay Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ TTTT phê duyệt

quyết toán đối với dự án hoàn thành.

Nguyên nhân quy mô điểm thực hiện không đạt được 500 theo kế hoạch của nhiệm vụ là do thực tế một số điểm đã có đủ trang thiết bị hoặc các xã đã có điểm Internet công cộng nên không đủ điều kiện để hỗ trợ thiết lập mới theo như quy định.

(3) *Nhiệm vụ 3:* Hỗ trợ chi phí duy trì hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng.

Chương trình đã hỗ trợ 574 điểm truy nhập Internet công cộng; kinh phí hỗ trợ 18,5 tỷ đồng, bằng 58,02% so với dự kiến. Việc thực hiện nhiệm vụ này đã góp phần chia sẻ khó khăn với người dân tại các khu vực khó khăn, miền núi trong việc sử dụng dịch vụ truy nhập Internet để tiếp cận các thông tin thiết thực về sản xuất, về đời sống kinh tế xã hội và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội cho người dân ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Việc đạt tỷ lệ thấp trong thực hiện là do mới chỉ thực hiện được hỗ trợ đối với 547 điểm thuộc Chương trình 74, còn 500 điểm thiết lập mới giai đoạn 2016-2020 thực hiện chậm (vì công tác hướng dẫn triển khai chậm), đến cuối năm 2020 mới thiết lập xong 327 điểm, nên chưa thực hiện hỗ trợ được những điểm thiết lập mới.

(4) *Nhiệm vụ 4:* Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất hoặc dịch vụ thông tin di động trả sau.

Chương trình đã thực hiện hỗ trợ trên 152 ngàn thuê bao cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ điện thoại cố định hoặc dịch vụ thông tin di động trả sau, đạt 30,4% so với dự kiến. Kinh phí thực hiện là 21,3 tỷ đồng, bằng 4,6% so với dự kiến, chủ yếu là phát sinh trong năm 2020, đã giúp các hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận được dịch vụ điện thoại cố định mặt đất hoặc dịch vụ thông tin di động (trả sau).

Nhiệm vụ đạt mục tiêu còn thấp do mức hỗ trợ ban đầu quy định tại Thông tư 09/2016/TT-2016 là 20.000 đồng/tháng là không phù hợp với nhu cầu sử dụng dịch vụ của các hộ gia đình, các hộ gia đình chủ yếu sử dụng thuê bao trả trước; giai đoạn năm 2016 đến tháng 03/2020 số thuê bao được hỗ trợ rất thấp. Sau khi điều chỉnh mức hỗ trợ tại Thông tư số 02/2020/TT-BTTTT (từ 20.000 lên 45.000 đồng/tháng, áp dụng từ tháng 04/2020) nên số thuê bao được Chương trình tăng trên 152 ngàn thuê bao.

(5) *Nhiệm vụ 5:* Hỗ trợ dịch vụ viễn thông di động hàng hải.

Với sự tham gia của Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Viễn thông Hàng

hải, Chương trình đã hỗ trợ cho tất cả ngư dân đánh bắt hải sản trên biển miễn cước sử dụng dịch vụ liên lạc tìm kiếm, cứu nạn trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải, với gần 2,4 triệu phút liên lạc. Kinh phí thực hiện là 2,97 tỷ đồng, bằng 53,12% so với dự kiến.

4. Chương trình thành phần 4: Kết nối công sở

Chương trình thành phần có 04 nhiệm vụ, kết quả thực hiện như sau:

a) Các nhiệm vụ đã hướng dẫn và thực hiện:

- *Nhiệm vụ 2:* Hỗ trợ sử dụng dịch vụ Internet băng rộng

Chương trình hỗ trợ (chủ yếu trong năm 2020) đạt 17, 6 nghìn thuê bao và bằng 27% so với dự kiến quy mô nhiệm vụ. Kinh phí thực hiện: 57,085 tỷ đồng, bằng 14,83% so với dự kiến.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ còn thấp so với mục tiêu đã đề ra do quy định về mức hỗ trợ của Chương trình chưa sát nhu cầu thực tế, công tác sửa đổi hướng dẫn còn chậm. Thông tư số 09/2016/TT-BTTTT quy định giá cước dịch vụ viễn thông công ích theo tốc độ gói cước và định danh cụ thể đối với từng nhóm đối tượng (Trường học, bệnh viện.....) nên từ năm 2016 đến tháng 03/2020 có ít đối tượng được hỗ trợ. Thông tư số 02/2020/TT- BTTTT bỏ quy định về tốc độ gói cước định danh đối với từng nhóm đối tượng (trường học, bệnh viện) mà chỉ quy định mức hỗ trợ đối với từng tốc độ gói cước nên số lượng đơn vị được hỗ trợ trong năm 2020 tăng đáng kể.

- *Nhiệm vụ 3:* Hỗ trợ dịch vụ thuê kênh cho các bệnh viện trong Chương trình bệnh viện vệ tinh.

Nhiệm vụ của Chương trình là hỗ trợ các bệnh viện hạt nhân, bệnh viện vệ tinh thuộc Đề án 774/QĐ-BYT ngày 11/3/2013 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020. Theo kế hoạch tại Đề án, Chương trình sẽ hỗ trợ 68 kênh thuê riêng cho bệnh viện vệ tinh nhưng đến nay, Chương trình chỉ thực hiện hỗ trợ cho 01 kênh thuê riêng cho bệnh viện vệ tinh của Phú Thọ (đạt 1,47%). Kinh phí thực hiện: 90 triệu đồng, đạt 0,15% so với dự kiến.

Nhiệm vụ này chỉ đạt tỷ lệ rất thấp so với mục tiêu đề ra là do Đề án 774/QĐ-BYT chưa hoàn thiện, chậm thực hiện theo tiến độ Đề án đã đề ra.

b) Các nhiệm vụ chưa phát sinh hỗ trợ từ Chương trình:

- *Nhiệm vụ 1:* Hỗ trợ kết nối Internet băng rộng cho trường học, bệnh viện.

- *Nhiệm vụ 4:* Hỗ trợ thiết lập cổng thông tin điện tử của UBND các cấp và dịch vụ công trực tuyến trên cổng (Chương trình dự kiến sẽ hỗ trợ khoảng

300 tỷ đồng cho nhiệm vụ này).

Hai nhiệm vụ trên chưa phát sinh hỗ trợ từ Chương trình. Đối với nhiệm vụ 4 không triển khai được do chưa có hướng dẫn thực hiện. Đối với nhiệm vụ 1, dự kiến hỗ trợ cước lắp đặt ban đầu đối với các trường học, bệnh viện chưa sử dụng dịch vụ kết nối Internet băng rộng. Tuy nhiên, nhiệm vụ này không thực hiện được do tiêu chí hỗ trợ của Chương trình không phù hợp với tình hình thực tế (doanh nghiệp phát triển thuê bao đã miễn cước lắp đặt ban đầu) và do không có hướng dẫn thực nhiệm vụ này nên không có cơ sở thực hiện.

5. Chương trình thành phần 5: Kết nối truyền hình số

Chương trình thành phần có 05 nhiệm vụ; kết quả thực hiện như sau:

a) Các nhiệm vụ đã triển khai, thực hiện:

- *Nhiệm vụ 2:* Hỗ trợ thiết lập cổng thông tin điện tử và tổng đài hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin về số hóa truyền hình:

- Kết quả: Chương trình đã triển khai hỗ trợ dịch vụ tại TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, TP. Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh vào năm 2016. Kinh phí thực hiện là 0,85 tỷ đồng, bằng 17% so với dự kiến.

- Nguyên nhân mức hỗ trợ đạt thấp, một mặt do Chương trình 1168 dự kiến không sát với yêu cầu thực tế, mặt khác quá trình triển khai đã tăng cường sử dụng dịch vụ có sẵn trong thời gian ngắn nên không phải mất chi phí đầu tư ban đầu để thiết lập các trung tâm hỗ trợ.

(4) *Nhiệm vụ 4:* Hỗ trợ điều tra phương thức thu xem truyền hình và tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình.

Kết quả thực hiện: Chương trình 1168 đã triển khai tại TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, TP. Cần Thơ, và TP. Hồ Chí Minh và địa bàn bị ảnh hưởng của 19 tỉnh lân cận. Kinh phí thực hiện là 1,82 tỷ đồng, đạt 91% so với dự kiến.

(5) *Nhiệm vụ 5:* Hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Kết quả thực hiện: Trong giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình 1168 đã triển khai thực hiện 09 dự án hỗ trợ đầu thu truyền hình số với đối tượng thụ hưởng là 1,9 triệu hộ gia đình nghèo, cận nghèo, đạt 152,6% so với dự kiến về số hộ, kinh phí thực hiện là 1.134 tỷ đồng, đạt 66,32% so với dự kiến. Trong điều kiện thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất đến năm 2020, chính sách này đã giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thể sử dụng thiết bị để thu xem các chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu qua hệ thống truyền dẫn, phát sóng tín hiệu truyền hình công nghệ số mặt đất hoặc vệ tinh..

Có thể nói, đây là nội dung đã thực hiện kinh phí nhiều nhất của Chương trình và đã hoàn thành mục tiêu đề ra, góp phần thực hiện thành công Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất đến năm 2020 đúng hạn.

Hạn chế: Công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ này vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán đối với các dự án hỗ trợ đầu thu truyền hình số còn chậm. Các đơn vị có liên quan chưa kịp thời đánh giá để có được bài học kinh nghiệm sau mỗi giai đoạn triển khai, để có thể triển khai tốt hơn cho giai đoạn sau.

b) Các nhiệm vụ chưa phát sinh hỗ trợ từ Chương trình:

- *Nhiệm vụ 1:* Hỗ trợ máy phát truyền hình số

Nhiệm vụ này của Chương trình không thực hiện được do quy định đối tượng được hỗ trợ là các đài phát thanh truyền hình, không còn phù hợp với Quy hoạch truyền dẫn phát sóng đài phát thanh, truyền hình đến năm 2020; theo đó, hoạt động truyền dẫn, phát sóng sẽ do các doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng thực hiện (theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020).

- *Nhiệm vụ 3:* Hỗ trợ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh VINASAT.

Nhiệm vụ này không thực hiện do quy định đối tượng được hỗ trợ là các đài phát thanh, truyền hình chưa tự chủ về tài chính nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể để phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành.

III. Công tác quản lý tài chính của Chương trình

1. Thu đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Căn cứ hướng dẫn của Bộ tài chính tại Thông tư số 57/2016/TT-BTC và Thông tư số 83/2018/TT-BTC, trong giai đoạn 2015-2019, Bộ TTTT đã phê duyệt kế hoạch thu đóng góp tài chính của 58 doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Quỹ đã triển khai công tác thu đóng góp theo đúng quy định; số đã thu là 8.182 tỷ đồng, đạt 112% so với kinh phí Chương trình. Đến năm 2020, xuất phát từ nhu cầu sử dụng vốn cho Chương trình và để hỗ trợ doanh nghiệp giảm khó khăn trong điều kiện đại dịch Covid_19, Bộ TTTT đã chủ động đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tạm dừng thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông.

Trong quá trình thực hiện, Bộ TTTT đã giao kế hoạch đóng góp sát với tình hình thực tế về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông. Bộ TTTT cũng thường xuyên đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính kịp thời, đầy đủ đúng quy định.

Xuất phát từ thực tế phát triển thị trường viễn thông và nhu cầu sử dụng kinh phí cho Chương trình, Bộ TTTT đã báo cáo, đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm mức thu đóng góp của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng đóng góp tài chính cho Quỹ về cơ bản đã hoàn thành việc xác nhận nghĩa vụ đóng góp tài chính cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

2. Quản lý sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho thực hiện Chương trình

- Trên cơ sở đăng ký của các doanh nghiệp viễn thông, Bộ TTTT đã phê duyệt Dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Các nội dung chi đều căn cứ theo các quy định của Bộ TTTT tại Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT, Thông tư số 09/2016/TT-BTTTT; Thông tư số 02/2020/TT-BTC và Thông tư 14/2020/TT-BTTTT. Trên cơ sở đó, Ban Quản lý Chương trình triển khai thực hiện ký hợp đồng đặt hàng các doanh nghiệp viễn thông thực hiện.

- Về công tác nghiệm thu, xác định giá trị khối lượng hoàn thành:

Từ năm 2016 đến nay, đã hoàn thành nghiệm thu khối lượng dịch vụ viễn thông công ích do 06 doanh nghiệp viễn thông thực hiện. Đối với các dự án hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, đã cơ bản hoàn thành nghiệm thu. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu, nhất là đối công tác hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trên cơ sở giá trị khối lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, kinh phí phải chi đến năm 2020 là 1.571 tỷ đồng. Việc quản lý sử dụng kinh phí của Quỹ đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, hỗ trợ đúng đối tượng.

- Về công tác quyết toán: Hiện nay, Bộ TTTT đang triển khai công tác quyết toán thực hiện Chương trình đến hết năm 2020 theo quy định.

- Vừa qua, trên cơ sở đề nghị của Bộ TTTT, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1159/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 cho phép tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình trong năm 2021; đồng thời Bộ TTTT cũng đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 để đảm bảo liên tục, hiệu quả của Chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

III. Đánh giá chung và những bài học kinh nghiệm

1. Những kết quả đạt được của Chương trình 1168

Từ năm 2016, Bộ TTTT bắt đầu triển khai Chương trình. Sau 5 năm thực hiện Chương trình, mặc dù còn một số nhiệm vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện đạt tỷ lệ thấp so với dự kiến, nhưng những nội dung đã triển khai thực hiện có đóng góp tích cực đối với sự phát triển triển của ngành TTTT và sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn. Một số thành công nổi bật của Chương trình đã thể hiện như sau:

a) Về đóng góp tài chính của doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công: Các doanh nghiệp đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ đóng góp, số thu từ các doanh nghiệp đạt 112% so với dự kiến, tạo nguồn tài chính cho việc chủ động thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại Việt Nam;

b) Một trong những nhiệm vụ của Chương trình đã triển khai thực hiện thành công là nhiệm vụ hỗ trợ đầu thu truyền hình số. Chương trình đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đã đóng góp tích cực cho việc thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình đến năm 2020 thành công, giải phóng băng tần cho mục đích phát triển viễn thông trong thời gian tới;

c) Việc hỗ trợ phát triển các điểm truy nhập dịch vụ Internet băng rộng công cộng đã góp phần vào việc phổ cập dịch vụ mới cho người dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tạo điều kiện, làm tiền đề cho việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và thương mại điện tử trong thời gian tới;

d) Chương trình đã hỗ trợ sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cho gần 18 nghìn trường học, bệnh viện, góp phần tăng cường phổ cập dịch vụ Internet học sinh ở các cơ sở giáo dục trên cả nước;

đ) Việc hỗ trợ ngư dân sử dụng dịch vụ thông tin, liên lạc, tìm kiếm cứu nạn trên biển đã đóng góp vào phát triển kinh tế biển, bám biển cho ngư dân, qua đó góp phần giữ gìn chủ quyền biển đảo, đảm bảo an ninh, quốc phòng;

e) Bên cạnh tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình, các doanh nghiệp viễn thông cũng đã tích cực, chủ động phát triển hạ tầng băng rộng đến xã còn trắng dịch vụ viễn thông. Kết quả đến hết năm 2020, không còn xã trắng hoàn toàn dịch vụ viễn thông mà chỉ còn các thôn, bản, đảo chưa có dịch vụ (do đặc thù điều kiện địa hình rất khó khăn trong phát triển hạ tầng và mạng lưới cung cấp dịch vụ).

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Với tinh thần thẳng thắn, khách quan, Bộ TTTT đánh giá những khó khăn, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân trong triển khai, thực hiện Chương trình 1168 trên các mặt cụ thể sau:

Thứ nhất, Công tác xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 đã đặt ra rất nhiều mục tiêu, nhiệm vụ, bao quát đến nhiều đối tượng, địa bàn thụ hưởng; trong đó có nhiều chính sách mới, lần đầu tiên thực hiện. Tuy nhiên, việc xây dựng Chương trình chưa dự báo được những khó khăn, diễn biến của tình hình thực tế về phát triển thị trường, nhu cầu sử dụng dịch vụ, sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, sự gắn kết với các chính sách liên quan nên một số nhiệm vụ còn hạn chế về tính khả thi. Trong khi đó, công tác hướng dẫn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình chậm thực hiện, chưa đồng bộ, có những nội dung còn chưa được hướng dẫn đầy đủ (như đối với nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hạ tầng); trong quá trình thực hiện, chưa có giải pháp giải quyết kịp thời những khó khăn, bất cập xảy ra trong thực tế.

Trong hướng dẫn tham gia thực hiện Chương trình, đối với các địa phương chưa sát tình hình thực tế, không đảm bảo hài hòa giữa trách nhiệm và điều kiện nguồn lực để đảm bảo thực hiện trách nhiệm của các địa phương, nên việc tham gia của các địa phương trong quản lý chương trình còn hạn chế, nhất là công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình tại địa phương chưa thường xuyên.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên, trước hết là công tác xây dựng chính sách, dự báo còn hạn chế; công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình của Bộ TTTT có sự chồng chéo về trách nhiệm giữa các cơ quan thực hiện; công tác tham mưu cho Bộ TTTT của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chưa tốt, chưa kịp thời.

Thứ hai, việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện Chương trình:

Chương trình còn 08 nhiệm vụ không phát sinh hỗ trợ từ Chương trình là: (i) hỗ trợ đầu tư thiết lập hệ thống truyền dẫn băng rộng; (ii) hỗ trợ thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định; (iii) hỗ trợ thiết lập mạng truy nhập băng rộng di động; (iv) Hỗ trợ kết nối internet băng rộng cho các trường học, bệnh viện, UBND cấp xã; (v) Hỗ trợ đầu tư trang bị phát phát truyền hình số mặt đất để phát các chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; (vi) Hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh Vinasat; (vii) Hỗ trợ triển khai các giải pháp tăng cường bảo đảm liên lạc an toàn, tin cậy trong

thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cho cộng đồng và điều hành của chính quyền các cấp; (viii) Hỗ trợ thiết lập công thông tin điện tử của UBND các cấp và dịch vụ công trực tuyến trên cổng phục vụ người dân (tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). Trong đó nhiều nhiệm vụ chưa thực hiện được là những nhiệm vụ dự kiến có mức đầu tư lớn của Chương trình.

-Giữa Ban Quản lý Chương trình và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt nam còn thực hiện trùng lặp một số nhiệm vụ,; hao phí nguồn lực, hiệu quả quản lý chưa cao.

- Quá trình tổ chức triển khai Chương trình còn nhiều hạn chế, vướng mắc, bất cập nhưng chưa được xử lý kịp thời, như: Triển khai Chương trình theo từng nhiệm vụ, phải xử lý nhiều tình huống phát sinh mang tính sự vụ; chậm phát hiện, đề xuất xử lý những vấn đề bất cập nảy sinh dẫn đến chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; một số tồn tại, bất cập đến năm 2020 mới điều chỉnh cơ chế thì đã là năm cuối của Chương trình.

- Một trong những nhiệm vụ lớn của Chương trình là hỗ trợ xây dựng hạ tầng viễn thông đến các xã còn trắng dịch vụ nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện, kéo dài. Mặt khác, việc tổ chức rà soát và gom các nhiệm vụ theo địa bàn tỉnh thành các dự án hỗ trợ thiết lập hạ tầng có qui mô khu vực nhằm tạo điều kiện cho các chủ đầu tư dự án dễ dàng triển khai các dự án hơn nhưng đã nảy sinh vấn đề thay đổi thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở nên việc thẩm định kéo dài.

- Đối với các Sở TTTT: Do khó khăn về nguồn lực, công tác phối hợp của một số Sở TTTT trong tham gia quản lý hỗ trợ đầu thu truyền hình số theo hướng dẫn của Bộ TTTT chưa kịp thời, ảnh hưởng đến thời gian nghiệm thu, thanh, quyết toán.

- Công tác nghiệm thu, thanh, quyết toán thực hiện Chương trình chậm so với quy định. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa tốt, trong đó có việc hiện nhiệm vụ giữa Ban Quản lý Chương trình và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam còn trùng lặp.

Thứ ba, về quản lý tài chính thực hiện Chương trình

Theo quy định của Luật Viễn thông, Chương trình thực hiện bằng nguồn tài chính đóng góp từ các doanh nghiệp viễn thông. Tuy nhiên, việc huy động, tiếp nhận đóng góp của các doanh nghiệp chưa có sự kết hợp với nhu cầu sử dụng vốn hằng năm nên hiệu quả về sử dụng nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông còn hạn chế.

Thứ tư, công tác tuyên truyền về Chương trình:

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là chương trình chi tiêu công lớn, liên quan đến lĩnh vực quan trọng của ngành và công tác an sinh xã hội, song công tác tuyên truyền về Chương trình còn quá nhiều hạn chế. Do đó, mặc dù chính sách có ý nghĩa rất lớn và mang tính tích cực đối với xã hội nhưng các đối tượng thụ hưởng của Chương trình 1168 chưa được biết đến chính sách, không hiểu được hết các quyền và lợi ích được hưởng từ Chương trình 1168 để tham gia.

3. Những bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả và hạn chế, tồn tại trong việc xây dựng, triển khai thực Chương trình, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

3.1. Về xây dựng cơ chế, chính sách

a) Cần chú trọng khảo sát, dự báo xu hướng phát triển của thị trường để lựa chọn, xác định mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo tính khả thi; xử lý kịp thời đối với các yếu tố tác động đến Chính sách trong quá trình thực hiện;

b) Trong điều kiện kinh tế thị trường, Nhà nước chỉ nên tập trung hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở vùng khó khăn, doanh thu không đủ bù đắp chi phí và chỉ hỗ trợ phổ cập dịch vụ viễn thông cho các đối tượng sử dụng dịch vụ có nhu cầu nhưng gặp khó khăn về điều kiện kinh tế; tránh trùng chéo với các chính sách khác;

c) Việc hướng dẫn quản lý thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình phải thuận lợi cho việc triển khai, tránh quy định các điều kiện, thủ tục phức tạp, không cần thiết, gây khó khăn quá trình thực hiện; đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả của cơ chế, chính sách;

d) Trong hướng dẫn, phân giao nhiệm vụ cho các cơ quan tham gia của cấp phải đảm bảo phù hợp với khả năng và nguồn lực thực hiện.

3.2. Về tổ chức thực hiện

a) Cơ quan chủ trì Chương trình cần tăng cường công tác chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình;

b) Cần sử dụng linh hoạt các công cụ và biện pháp quản lý để đảm bảo chủ động, hiệu quả trong việc triển khai các cơ chế, chính sách;

c) Hoàn thiện phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý; tránh bỏ trống nhiệm vụ, không rõ trách nhiệm chủ trì hoặc trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị liên quan;

d) Việc quản lý tài chính của Chương trình cần đảm bảo phù hợp giữa huy động nguồn lực và sử dụng để phát huy hiệu quả kịp thời;

đ) Đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý để nâng cao hiệu quả;

e) Chú trọng công tác tuyên truyền về chương trình nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách viễn thông công ích cho xã hội, tạo sự đồng thuận, phản biện, giám sát của xã hội trong quá trình thực hiện chương trình.

PHẦN THỨ BA

ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHÍNH SÁCH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025

Hiện nay vẫn tồn tại khoảng cách số giữa các vùng miền, giữa các nhóm dân cư trên phạm vi cả nước. Trong điều kiện đất nước đang đẩy mạnh chuyển đổi số, vai trò điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực viễn thông thông qua chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích là hết sức quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, miền.

Để đáp ứng tính cấp thiết trên, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 cần hỗ trợ hiện thực các mục tiêu về chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng, dịch vụ thông tin di động tại tất cả các địa bàn cấp thôn trên phạm vi cả nước; đồng thời hỗ trợ các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục; hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng dịch vụ với mức giá cước hợp lý.

1. Quan điểm xây dựng Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

a) Đối với hỗ trợ doanh nghiệp: Nhà nước không can thiệp, hỗ trợ cung cấp dịch vụ ở các khu vực thị trường đã có sự cạnh tranh mà tập trung vào hỗ trợ phát triển, duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông tại các thôn và địa bàn mà doanh nghiệp kinh doanh theo cơ chế thị trường không hiệu quả. Việc hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo công khai, cạnh tranh, minh bạch.

b) Đối với hỗ trợ sử dụng dịch vụ: Nhà nước quan tâm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông thiết yếu, trên cơ sở có sự phân biệt vùng, miền để đảm bảo công bằng.

c) Phối hợp, lồng ghép: Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích sẽ lồng ghép, kết hợp với các chương trình, Đề án khác của nhà nước để đảm bảo đồng bộ về chính sách, tránh trùng lặp, bổ sung nguồn lực, nâng cao hiệu quả.

Trong giai đoạn tới, *thông tin* tiếp tục được xem là dịch vụ xã hội cơ bản trong phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều. Do đó, chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cần gắn kết với nhiều mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (như: Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030,...); hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Vì vậy, sự kết hợp, lồng ghép với các chương trình, đề án khác sẽ tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng nguồn lực.

2. Về mục tiêu của chính sách

Tiếp cận theo quan điểm nêu trên, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 hướng đến hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ, hỗ trợ người sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo phạm vi, đối tượng thụ hưởng cụ thể, với chất lượng và giá cước dịch vụ hợp lý. Trong đó ưu tiên đảm bảo tất cả các thôn, bản, làng, ấp, đảo có người sinh sống và các nhà giàn được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; hộ nghèo, hộ cận nghèo có điều kiện tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông.

3. Về nhiệm vụ thực hiện

Với đặc thù của hoạt động phổ cập dịch vụ viễn thông, Chương trình trong giai đoạn tới tập chung thực hiện hai nhóm nhiệm vụ chính: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến tất cả các thôn, bản, đảo có người sinh sống; và (ii) Hỗ trợ các đối tượng khó khăn sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

4. Về giải pháp triển khai, quản lý

a) Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng nhà nước không thực hiện những nhiệm vụ mà doanh nghiệp đang thực hiện theo cơ chế thị trường. Chương trình không hỗ trợ thông qua phương thức cấp vốn đầu tư cho doanh nghiệp thực hiện các dự án phát triển hạ tầng như giai đoạn trước; thay vào đó là tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp duy trì cung cấp dịch vụ ở các khu vực khó khăn theo nguyên tắc cạnh tranh, minh bạch và công bằng. Việc đầu tư hạ tầng do doanh nghiệp chủ động thực hiện. Đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, chính sách sẽ phù hợp với nhu cầu sử dụng và khả năng thanh toán một phần chi phí của người sử dụng, tránh lãng phí.

b) Xây dựng cơ chế quản lý thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đảm bảo gọn nhẹ, rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện; sử dụng linh hoạt các biện pháp và công cụ quản lý để đảm bảo hiệu quả.

5. Về huy động và sử dụng nguồn lực

Việc thực hiện tiến độ thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam sẽ được điều hành phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn để đảm bảo hiệu quả nguồn lực.

6. Về công tác tổ chức quản lý

Bộ TTTT thực hiện sắp xếp, đổi mới công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình, rõ trách nhiệm, tránh trùng lặp; hướng dẫn các địa phương tham gia, phối hợp trong công tác quản lý phù hợp với tình hình thực tế của các Sở TTTT.

*

* *

Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg và Quyết định số 868/QĐ-TTg đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước; đảm bảo thông tin liên lạc cho khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, từng bước giảm khoảng cách về hưởng thụ dịch vụ viễn thông giữa các vùng, miền; hỗ trợ có hiệu quả việc thực Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình đến năm 2020. Bên cạnh đó, thời gian qua các doanh nghiệp viễn thông cũng đã rất tích cực, chủ động sử dụng nguồn lực của mình tham gia thực hiện các mục tiêu của Chương trình. Những đóng góp tích cực của Chương trình và các doanh nghiệp viễn thông đã được khẳng định và sẽ tiếp tục được phát huy; đồng thời, từ kinh nghiệm thực hiện Chương trình vừa qua, cần khắc phục những tồn tại, hạn chế để việc xây dựng chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và triển khai thực hiện trong giai đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao.

Bộ TTTT trân trọng cảm ơn Lãnh đạo Chính phủ; Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan; UBND các cấp; các Sở TTTT; các doanh nghiệp viễn thông đã hỗ trợ và chia sẻ khó khăn với Bộ TTTT trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020. Đồng thời, Bộ TTTT rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, hỗ trợ của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong công tác xây dựng và thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong giai đoạn tới, góp phần thiết thực vào sự phát triển ngành TTTT và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

=====